

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 27 - 8 - 2024

V/v Tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Cẩm Đào

Các Thẩm phán:

Bà Hoàng Thị Hải Hà

Bà Châu Minh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thuý An, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 24/2024/TLPT-DS ngày 26 tháng 7 năm 2024 về việc “Xin ly hôn”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 81/2024/HNGĐ -ST ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐ-PT ngày 09 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Cẩm H, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 6 L, xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Lê Thị N, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2/ Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau.

3/ Ông Nguyễn Chí L (Văn L), sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp N, xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau.

4/ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1957 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Anh Trần Văn T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Chị Lê Thị Cẩm H trình bày tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa như sau:*

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn T chung sống với nhau năm 2018, có tổ chức cưới gả theo phong tục tập quán, và đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Biển Bạch Đông, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống từ khi đăng ký kết hôn đến nay hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, xung đột gia đình xảy ra không hàn gắn được. Nên chị anh T đã ly thân từ tháng 12/2023 đến nay. Chị xác định hiện vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Gia P, sinh ngày 16/9/2020. Bé đang sống cùng anh T. Nay khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Chị có công việc là điều dưỡng ở Phòng khám Gia Đình thu nhập ổn định đảm bảo việc nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh T không có tài sản chung.

Về nợ chung: Chị và anh T không có nợ chung.

Đối với số nợ mà anh T khai tại phiên hoà giải ngày 08/3/2024 chị xác định là nợ riêng của anh T. Chị không có vay và cũng không có uỷ quyền anh T đi vay. Chị có công việc là điều dưỡng ở Phòng khám Gia Đình, không kinh doanh cùng anh T, số nợ trên anh T vay làm gì chị không biết, trong quá trình kinh doanh chị và anh T không có sử dụng tiền trên để tạo ra tài sản gì chung, mỗi người chi xài tiền riêng. Đây là nợ riêng của anh T chị không đồng ý trả ½ số nợ theo ý kiến anh T.

- *Bị đơn anh Trần Văn T trình bày:*

Về hôn nhân: Anh xác định về thời gian chung sống, điều kiện kết hôn, nơi kết hôn đúng như chị H trình bày. Trong thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hiện vợ chồng không còn tình cảm, nay chị H yêu cầu xin ly hôn nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Gia P, sinh ngày 16/9/2020. Con đang sống cùng anh. Từ khi ly thân đến nay anh là người trực tiếp chăm sóc con chung. Nay khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh có công việc là quản lý Công ty xây dựng của gia đình thu nhập ổn định đảm bảo việc chăm sóc nuôi dưỡng con.

Về tài sản chung: Anh xác định giữa anh và chị H không có tài sản chung.

Về nợ chung: Anh và chị H có nợ 04 người gồm: Nợ bà Lê Thị N 01 lượng vàng 24k và 45.000.000 đồng; nợ bà Nguyễn Thị K, số tiền 50.000.000 đồng; nợ ông Nguyễn Văn T 40.000.000 đồng; nợ ông Nguyễn Chí L, 40.000.000 đồng.

Toàn bộ số nợ trên là do anh và chị H hỏi vay để kinh doanh mua bán xe. Do năm 2020 anh thành lập Công ty TNHH MTV Gia Phú TB do anh đứng tên. Công ty kinh doanh mua bán và cho thuê xe. Tuy nhiên, sau đó do dịch bệnh covid nên làm ăn thua lỗ anh phải vay mượn số tiền trên để chi trả. Nay khi ly hôn anh yêu cầu mỗi người có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số nợ nói trên.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị N trình bày:* Vào năm 2020 vợ chồng T và Hương có hỏi vay của bà 01 lượng vàng 24k, vay mục đích để kinh doanh mua bán xe, đến năm 2022 T và Hương hỏi vay tiếp 45.000.000 đồng mục đích vay để kinh doanh, khi vay có biên nhận do anh T ký tên. Nay vợ chồng Hương và T ly hôn bà yêu cầu vợ chồng Hương và T phải trả lại cho bà 45.000.000 đồng và 01 lượng vàng 24k.

- *Bà Nguyễn Thị K trình bày:* Năm 2022 vợ chồng Hương và T làm ăn thất bại nên có mượn của bà 50.000.000 đồng để trả nợ. Tại đơn khởi kiện bà yêu cầu khi T và Hương ly hôn thì Hương và T phải có trách nhiệm cùng trả số nợ trên cho bà. Tuy nhiên, tại phiên toà bà xác định rút toàn bộ yêu cầu buộc Hương và T trả số tiền trên. Bà xác định tặng cho vợ chồng anh T và chị H, không yêu cầu thanh toán nữa.

- *Ông Nguyễn Văn T trình bày:* Năm 2020 vợ chồng H T có hỏi mượn của ông 40.000.000 đồng, mục đích để mua bán xe, khi vay anh T là người viết biên nhận và ký tên. Quá trình làm ăn vợ chồng chị H và T không thanh toán. Nay vợ chồng Hương và T xin ly hôn ông yêu cầu vợ chồng H T trả số nợ trên.

- *Ông Nguyễn Văn Linh trình bày:* Năm 2019 vợ chồng ông T và bà Hương có vay của ông 01 lượng vàng 24k, trong quá trình vay anh T đã trả được 10.000.000 đồng. Tại đơn khởi kiện ông yêu cầu buộc chị H và anh T thanh toán 01 lượng vàng 24k, nhưng tại phiên toà anh rút lại một phần yêu cầu đối với 02 chỉ vàng 24k do năm 2023 anh T đã thanh toán 10.000.000 đồng tương ứng là 02 chỉ vàng 24k nên nay anh chỉ yêu cầu anh T và chị H trả lại cho anh 08 chỉ vàng 24k.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 81/2024/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu về việc xin ly hôn của chị Lê Thị Cẩm H đối anh Trần Văn T.

Về con chung: Giao con chung Trần Gia P, sinh ngày 16/9/2020, đang sống cùng anh T cho anh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét.

Chị H có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ:

- Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà cho bà Lê Thị N

Buộc ông Trần Văn T phải thanh toán cho bà N số tiền 45.000.000 đồng và 01 (một) lượng vàng 24k;

Không chấp nhận yêu cầu của bà N về việc buộc bà Hương cùng có trách nhiệm liên đới với anh T thanh toán nợ.

- Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn T

Buộc ông Trần Văn T thanh toán cho ông T 40.000.000 đồng;

Không chấp nhận yêu cầu của ông T về việc buộc bà Hương cùng có trách nhiệm liên đới với anh T thanh toán nợ.

- Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Chí L

Buộc ông Trần Văn T thanh toán cho ông L 08 (tám) chỉ vàng 24k.

Không chấp nhận yêu cầu của ông L về việc buộc chị H cùng có trách nhiệm liên đới với anh T thanh toán 08 (tám) chỉ vàng 24k.

Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông L về buộc anh T và chị H thanh toán 02 (hai) chỉ vàng 24k.

- Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Lê Thị Kiều về việc buộc chị H và anh T thanh toán số tiền 50.000.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 26/6/2024, anh Trần Văn T có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chia đôi các khoản nợ gồm: Lê Thị N 01 lượng vàng và 45.000.000 đồng; Nguyễn Văn T 40.000.000 đồng; Nguyễn Chí L 8 chỉ vàng 24k vì đây là nợ chung của hai vợ chồng trong thời kì hôn nhân.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh Trần Văn T thay đổi một phần kháng cáo, anh T chỉ yêu cầu chị H cùng có trách nhiệm chia đôi khoản nợ của ông Nguyễn Văn T 40.000.000 đồng; các khoản nợ khác không yêu cầu chia.

Tại phần tranh luận:

Anh T tranh luận: Anh vay tiền là để phục vụ làm ăn lo cho cả gia đình, sau khi thua lỗ thì chị H cho rằng không biết là không đúng.

Chị H tranh luận: việc mượn tiền là do anh T tự làm không bàn bạc với chị và chị cũng không tham gia việc làm ăn của anh T nên đây là nợ riêng của anh T.

Bà K tranh luận: việc mượn tiền bà N là do Hương chở bà đi mượn và lấy số tiền trên về để trả lại cho chị của Linh. Linh là anh rể của Hương thì không thể có chuyện Hương không biết gì về khoản vay trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung: việc các đương sự trình bày về nguồn tiền vay, mục đích vay chưa cụ thể nên đề nghị Hội đồng xét xử ngừng phiên tòa để thu thập thêm chứng cứ liên quan đến các khoản nợ để xác định là nợ chung hay nợ riêng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Lê Thị Cẩm H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Văn T, yêu cầu về con chung. Đối với nợ chung và tài sản chung chị H xác định không có. Anh T xác định có nợ chung và yêu cầu chị H cùng có trách nhiệm thanh toán nợ chung. Những chủ nợ có đơn yêu cầu độc lập, yêu cầu anh T chị H cùng có nghĩa vụ thanh toán nợ.

Chị Lê Thị Cẩm H và anh Trần Văn T chung sống với nhau năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Biển Bạch Đông, huyện Tngày 28/5/2028 theo quy định của pháp luật.

Án sơ thẩm giải quyết phần hôn nhân và con chung của anh T chị H, các đương sự không kháng cáo về phần này nên đã phát sinh hiệu lực. Anh T kháng cáo về phần nợ.

[2] Xét kháng cáo của anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Anh T và chị H chung sống với nhau năm 2018 đến năm 2020, ra sống riêng tại khóm 1, thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình. Cả anh T và chị H đều thừa nhận ra sống riêng trên nhà đất thuê của người khác và sửa chữa lại nhà để kinh doanh cầm xe và mua bán xe cũ.

[2.2] Chị H cho rằng việc kinh doanh của anh T là do anh T tự làm, không bàn với chị, các khoản tiền vay trên cũng do anh T tự vay, chị không biết nên không có trách nhiệm với các khoản nợ trên. Nhưng chị H thừa nhận khi anh T mở cửa hàng thì có hót 02 chân hụi, 1 chân 1.000.000 đồng và 1 chân 500.000 đồng, đây là hụi của vợ chồng chị để làm vốn kinh doanh.

[2.3] Chị H thừa nhận chị làm nhân viên của phòng khám, lương khoản 4.000.000 đồng, với khoản tiền này thì không đủ để chi xài trong gia đình, lo cho con cái và chi xài cá nhân chị H nên việc anh T kinh doanh và góp tiền vào chung lo cho gia đình là phù hợp. Các khoản nợ do anh T vay cũng ở giai đoạn mở cửa hàng kinh doanh năm 2020. Chỉ có khoản nợ của anh Linh là vay năm 2019 nhưng anh Linh cũng xác định đây là nợ chung của vợ chồng và yêu cầu cả chị H và anh T cùng có trách nhiệm thanh toán nợ. Xét thấy anh Linh là anh rể của chị H nên việc anh Linh cho mượn vàng chị H không biết là không phù hợp.

[2.4] Chị H cho rằng việc kinh doanh xe là cá nhân anh T nhưng chị H thừa nhận có việc hót 02 chân hụi để lấy tiền làm vốn kinh doanh, chi sài trong gia đình,

thuê nhà đất cũng từ nguồn kinh doanh của anh T. Chị H xác định chị và anh T sống chung nhưng độc lập về kinh tế, tiền ai tự chi tiêu nhưng chị H không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh có sự phân chia rạch ròi về các khoản chi tiêu trong gia đình. Chị H anh T cũng không có văn bản gì chứng minh có sự phân chi rõ ràng về tài sản cũng như về nợ. Do đó, các khoản nợ hình thành trong thời kì hôn nhân của anh T chị H, khoản nợ bà N là do chị H chở mẹ chồng đến tận nhà bà N để nhận. Khoản nợ khác như nợ ông T đều xác định cho cả vợ chồng anh T chị H mượn để mở cửa hàng kinh doanh xe, anh Linh cũng yêu cầu chị H anh T trả nợ. Nên đây là nợ chung của anh T và chị H, nhưng tại phiên toà phúc thẩm anh T chỉ yêu cầu chị H cùng anh T trả khoản nợ của ông T. Xét đây là sự tự nguyện của anh T không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét thấy yêu cầu của Viện kiểm sát về việc ngừng phiên toà để xác minh thêm về nguồn gốc nợ là không cần thiết.

[4] Từ những phân tích trên, chấp nhận kháng cáo của anh Trần Văn T sửa án sơ thẩm đối với phần nợ chung.

Do sửa án sơ thẩm nên điều chỉnh lại phần án phí sơ thẩm các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: anh Trần Văn T không phải chịu, có nộp tạm ứng 300.000 đồng được nhận lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của anh Trần Văn T.

Sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 81/2024/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu về việc xin ly hôn của chị Lê Thị Cẩm H đối anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Gia P, sinh ngày 16/9/2020, đang sống cùng anh T cho anh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét.

Chị H có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ:

4.1. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà cho bà Lê Thị N

Buộc ông Trần Văn T phải thanh toán cho bà N số tiền 45.000.000 đồng và 01 (một) lượng vàng 24k.

Không chấp nhận yêu cầu của bà N về việc buộc bà Hương cùng có trách nhiệm liên đới với anh T thanh toán nợ.

4.2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn T

Buộc anh Trần Văn T thanh toán cho ông Nguyễn Văn T 20.000.000 đồng;

Buộc chị Lê Thị Cẩm H thanh toán cho ông Nguyễn Văn T 20.000.000 đồng.

4.3. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Chí L

Buộc ông Trần Văn T thanh toán cho ông L 08 (tám) chỉ vàng 24k.

Không chấp nhận yêu cầu của ông L về việc buộc chị H cùng có trách nhiệm liên đới với anh T thanh toán 08 (tám) chỉ vàng 24k.

Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông L về buộc anh T và chị H thanh toán 02 (hai) chỉ vàng 24k.

4.4. Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Lê Thị K về việc buộc chị H và anh T thanh toán số tiền 50.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì người bị thi hành án phải thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ nêu trên, nếu không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh trên số tiền nợ theo mức lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Án phí:

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, chị Lê Thị Cẩm H phải chịu. Ngày 19/02/2024, chị H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0015980 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với nợ vay anh Trần Văn T phải nộp 9.784.000 đồng (chưa nộp). Chị Lê Thị Cẩm H phải chịu 1.000.000 đồng (chưa nộp).

Bà K, bà N, ông L không phải nộp án phí, bà K được nhận lại tạm ứng án phí 1.250.000 đồng theo biên lai số 0016111 ngày 08/4/2024; bà N được nhận lại tạm ứng án phí 2.825.000 đồng theo biên lai số 0016107 ngày 04/4/2024; ông T được miễn dự nộp theo quy định nên không đặt ra việc hoàn lại tạm ứng án phí; ông L được nhận lại tạm ứng án phí 1.670.000 đồng theo biên lai số 0016097 ngày 02/4/2024, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tkhi bản án có hiệu lực.

5.2. *Án phí dân sự phúc thẩm*: Anh Trần Văn T không phải chịu. Ngày 28 tháng 6 năm 2024, anh T đã nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng (lai thu số 0016314) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Bình, được nhận lại.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Cẩm Đào